

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH DU LỊCH

05/05/2017

Trong giai đoạn 2011-2015 và 2016, ngành Du lịch đã có bước phát triển đáng kể. Cơ chế, chính sách phát triển du lịch, luật pháp du lịch từng bước được hình thành và hoàn thiện, Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai thực hiện.

Lượng khách quốc tế trong giai đoạn 2011-2015 và 2016 tăng ổn định, tốc độ tăng trưởng khách du lịch quốc tế bình quân khoảng 10-11%. Số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam năm 2011 là 6 triệu lượt, năm 2015 là 7,9 triệu lượt, năm 2016 trên 10 triệu lượt. Khách du lịch nội địa có xu hướng tăng mạnh từ năm 2011, ít biến động và ít chịu ảnh hưởng của kinh tế thế giới do nhu cầu du lịch của người dân ngày càng tăng. Lượng khách nội địa năm 2011 đạt khoảng 30 triệu lượt khách, năm 2014 đạt 38,5 triệu lượt khách, năm 2015 đạt 57 triệu lượt khách, năm 2016 đạt 62 triệu lượt khách nội địa, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Thu nhập từ du lịch tăng trung bình 12-13%/năm, năm 2014 đạt khoảng 230 nghìn tỷ đồng, năm 2015 đạt 337,83 nghìn tỷ đồng, năm 2016 đạt 400 nghìn tỷ đồng.

Tuy nhiên, theo đánh giá chung, năng lực của các công ty du lịch của Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng, nguồn nhân lực ngành du lịch chưa được đào tạo một cách hệ thống, công tác duy tu, bảo dưỡng công trình du lịch còn kém, ảnh hưởng môi trường, cơ sở hạ tầng du lịch còn hạn chế, an ninh, an toàn giao thông cho khách du lịch chưa được như kỳ vọng.



Ha Long - Di sản Thiên nhiên Thế giới được UNESCO công nhận

Thực trạng phát triển của doanh nghiệp du lịch giai đoạn 2011-2015 và 2016

Về hệ thống doanh nghiệp cung cấp cơ sở lưu trú du lịch: Số doanh nghiệp lữ hành hiện nay là 1.519 doanh nghiệp, trong đó có 7 doanh nghiệp nhà nước, 1.012 công ty TNHH, 475 công ty cổ phần, 10 doanh nghiệp tư nhân, 15 doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài. Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, bungalow được đầu tư phát triển ở khắp mọi nơi, đặc biệt là khách sạn tại đô thị, các khu điểm du lịch, resorts ven biển và các khu nghỉ dưỡng trên núi. Các cơ sở lưu trú du lịch phần lớn có quy mô nhỏ. Nhiều khách sạn, resorts mới đầu tư những năm gần đây có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quốc tế. Hiện tại cả nước có trên 355.000 buồng khách sạn với 18.800 cơ sở lưu trú các loại. Với hệ thống cơ sở lưu trú có tốc độ tăng trưởng như hiện nay, hoàn toàn đáp ứng nhu cầu du lịch gia tăng trong thời gian tới. Hệ thống khách sạn cao sao và các khu resorts sang trọng có xu hướng tăng tỷ trọng, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho ngành phục vụ lưu trú.

Về hệ thống nhà hàng ăn uống du lịch: Với thế mạnh về ẩm thực Việt Nam, hệ thống nhà hàng phục vụ du lịch nói riêng và phục vụ dân cư nói chung phát triển mạnh trong những năm gần đây. Các loại nhà hàng với nhiều phong cách phục vụ nhiều chủng loại món ăn Âu, Á rất phong phú được mở ra. Đặc biệt, phong cách phục vụ, hình thức bày trí món ăn cũng như các dịch vụ văn hóa ẩm thực khác (như nghệ thuật dân gian) được lồng ghép trong các bữa ăn, tạo giá trị trải nghiệm đặc sắc cho khách du lịch.

Về hệ thống cơ sở dịch vụ lữ hành, cung cấp thông tin, tư vấn du lịch ra đời khắp mọi nơi, tập trung nhiều ở các trung tâm du lịch lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đại lý du lịch đóng vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp thông tin, tư vấn và quảng bá du lịch thông qua chức năng bán lẻ.

Tuy nhiên, cho đến nay, các dịch vụ lữ hành do các công ty lữ hành cung cấp thông qua hệ thống văn phòng đại lý du lịch; các điểm cung cấp thông tin du lịch miễn phí tại sân bay hoặc trung tâm du lịch lớn do Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch cung cấp. Tại các khu, điểm du lịch ở hầu hết các địa phương, hệ thống cung cấp thông tin du lịch, biển chỉ dẫn... còn rất thiếu thốn; khách du lịch trong nước và quốc tế tìm kiếm thông tin chính xác về nơi ăn, nghỉ, giải trí, đi lại... rất khó khăn, vì vậy thường khó lên kế hoạch, trả giá cao hơn thực tế và không thỏa mãn sự mong đợi.

Về hệ thống cung cấp phương tiện vận chuyển khách du lịch và dịch vụ trên phương tiện: Dịch vụ trên phương tiện du thuyền, đường sắt cũng được bổ sung những năm gần đây để phục vụ khách du lịch nhưng chưa phổ biến và chưa đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu của khách. Dịch vụ tại các trạm dừng nghỉ đường bộ còn thiếu thốn nhiều.



Nhiều điểm du lịch tự nhiên, lịch sử, xã hội, văn hóa đặc sắc là một trong những điểm mạnh của Du lịch Việt Nam

Rà soát, đánh giá các chính sách hiện hành đến hoạt động của doanh nghiệp du lịch

Chủ trương, chính sách chung

Du lịch Việt Nam ngày càng khẳng định vai trò là một ngành kinh tế năng động, đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế của đất nước. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối có tác dụng định hướng, thúc đẩy ngành du lịch phát triển. Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (2001) đã xác định chủ trương phát triển du lịch thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI xác định cần đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ (trong đó có dịch vụ du lịch) đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP. Tại Quyết định số 175/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/01/2011 phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020 đã xác định phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng chuyên nghiệp, có thương hiệu, có trọng tâm, trọng điểm; phát triển đồng thời du lịch nội địa và quốc tế.

Chiến lược Phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 xác định phát triển du lịch để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội với một số giải pháp cụ thể:

- Nhà nước có chính sách ưu tiên hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, đào tạo nhân lực và xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu du lịch; có chính sách liên kết, huy động nguồn lực để tập trung đầu tư nâng cao năng lực và chất lượng cung ứng dịch vụ du lịch, hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch có tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- Ưu tiên tập trung đầu tư phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia, đô thị du lịch; các khu, tuyến, điểm du lịch thuộc các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng sâu, vùng xa nhưng có tiềm năng phát triển du lịch.

- Thực hiện chính sách phát triển bền vững; có chính sách ưu đãi đối với phát triển du lịch sinh thái, du lịch “xanh”, du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm.

- Thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa, thu hút các nguồn lực cả trong và ngoài nước đầu tư phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, phát triển nhân lực và quảng bá, xúc tiến du lịch.

Ngày 16/01/2017, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đây là chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch phát triển trong bối cảnh mới.



Trong những năm gần đây, nhiều khách sạn, resorts mới đầu tư tại Việt Nam có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quốc tế

Các cơ chế chính sách cụ thể

Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 27/6/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006 tại Điều 6 đã quy định rõ ràng về chính sách đầu tư phát triển du lịch:

- Nhà nước có cơ chế, chính sách huy động mọi nguồn lực, tăng đầu tư phát triển du lịch để đảm bảo du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực sau:

- + Bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch và môi trường du lịch;
- + Tuyên truyền, quảng bá du lịch;
- + Đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch;

- + Nghiên cứu, đầu tư, xây dựng sản phẩm du lịch mới;
- + Hiện đại hoá các hoạt động du lịch.

- Nhà nước bố trí ngân sách cho các công tác quy hoạch du lịch; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị du lịch, khu du lịch, điểm du lịch; hỗ trợ công tác tuyên truyền quảng bá du lịch, bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch và môi trường du lịch, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch.

Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch trong Điều 6 đã chỉ ra những lĩnh vực hoạt động du lịch được khuyến khích phát triển thông qua việc dành ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng cho các hoạt động: tuyên truyền, quảng bá du lịch; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch; nghiên cứu, đầu tư, xây dựng sản phẩm du lịch mới; xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, nhập khẩu phương tiện cao cấp phục vụ cho việc vận chuyển khách du lịch, trang thiết bị chuyên dùng hiện đại cho cơ sở lưu trú du lịch hạng cao và khu du lịch quốc gia; phát triển du lịch tại nơi có tiềm năng du lịch ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhằm sử dụng lao động, hàng hoá và dịch vụ tại chỗ, góp phần nâng cao dân trí, xoá đói, giảm nghèo.

Chính sách đầu tư, tài chính về du lịch còn được thực hiện thông qua những chương trình hỗ trợ ngành ở cấp độ quốc gia, trong đó có thể kể đến những chương trình sau:

Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia: Quyết định số 123/2008/QĐ-TTg ngày 8/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ thực hiện các chương trình quốc gia về xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư và xúc tiến du lịch, Quyết định số 122/2009/QĐ-TTg ngày 9/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia giai đoạn 2009-2010; Thông tư số 126/2010/TT-BTC hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia giai đoạn 2009-2010.

Chương trình hành động quốc gia về du lịch: Quyết định 121/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về du lịch giai đoạn 2006 - 2010, Thông tư số 85/2006/TT-BTC hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm thực hiện Chương trình hành động quốc gia về du lịch giai đoạn 2006-2010. Ngoài nguồn hỗ trợ từ ngân sách, còn huy động thêm nguồn lực khác và từ doanh nghiệp; các địa phương tự thu xếp ngân sách để phối hợp thực hiện.

Chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch 2006-2010: văn bản số 1095/CP-KTTH ngày 28/11/2000 về việc xây dựng các khu du lịch. Theo đó, bố trí nguồn vốn ngân sách và tín dụng ưu đãi theo quy định hiện hành cho các công trình đầu tư phát triển du lịch được thỏa thuận giữa Tổng cục Du lịch (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), các địa phương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Theo Luật Du lịch số 44/2005/QH11, Nghị định số 92/2007/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch, căn cứ khả năng ngân sách nhà nước và yêu cầu phát triển du lịch cho từng thời kỳ, Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch tại các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia; các khu du lịch tại các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Quyết định số 194/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phương hướng và giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch khu vực miền Trung - Tây Nguyên, theo đó, miền Trung - Tây Nguyên là địa bàn động lực phát triển du lịch của cả nước.

Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, theo đó tại mục đ khoản 6 về Các khoản bổ sung có mục tiêu khác có quy định hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch.

Nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch được quản lý theo quy định quản lý đầu tư xây dựng cơ bản (Nghị định 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình). UBND tỉnh/thành là Chủ quản đầu tư các dự án, quyết định chủ đầu tư và tổ chức thực hiện triển khai dự án. Sở quản lý về du lịch (nay là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch) là đơn vị tổng hợp kế hoạch và theo dõi tình hình thực hiện các dự án do địa phương quản lý. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc trong quá trình thực hiện dự án.

Về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Nhà nước quy định về ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số lĩnh vực, ngành nghề như đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực theo quy định của Chính phủ. Theo quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP thì các dự án được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm thuế 50% trong 5 năm tiếp theo áp dụng đối với các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu đãi

thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, miễn thuế 2 năm và giảm 40% trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Như vậy, liên quan đến lĩnh vực du lịch thì chỉ có kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch là được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy theo địa bàn đầu tư.

Về ưu đãi thuế xuất khẩu, nhập khẩu: Theo Nghị định số 155/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, miễn thuế lần đầu đối với hàng hoá là trang thiết bị nhập khẩu theo danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo tại Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ để tạo tài sản cố định của dự án khuyến khích đầu tư, dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đầu tư khu du lịch về khách sạn, văn phòng, căn hộ cho thuê, nhà ở, trung tâm thương mại, dịch vụ kỹ thuật, siêu thị, sân golf, khu du lịch, khu thể thao, khu vui chơi giải trí, cơ sở khám, chữa bệnh, đào tạo, văn hoá, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, dịch vụ tư vấn.

Các chính sách hợp tác quốc tế về du lịch không nằm ngoài chính sách chung về hợp tác quốc tế của Việt Nam, phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên với tư cách là một ngành kinh tế, chính sách hợp tác quốc tế của du lịch cũng có những đặc điểm riêng và tập trung vào một số lĩnh vực sau:

- Chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến Việt Nam trong khuôn khổ luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế.

- Chính sách hợp tác trong xúc tiến điểm đến chung; khai thác các tiềm năng du lịch xuyên biên giới trên nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi và đảm bảo chủ quyền của mỗi nước.

- Chính sách hợp tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch; hợp tác trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ góp phần phát triển du lịch bền vững.

- Chính sách hợp tác mở rộng thu hút đầu tư phát triển du lịch phù hợp với lợi ích của mỗi bên.

Đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch Việt Nam

Điểm mạnh

- Hình ảnh độc đáo ở châu Á với nhiều bí ẩn, lịch sử chiến tranh hào hùng, lịch sử văn hóa lâu đời, đang tiến lên từ một nước có điều kiện kinh tế thấp kém.
- Có nhiều điểm du lịch tự nhiên, lịch sử, xã hội, văn hóa đặc sắc ở châu Á và trên thế giới; nhiều điểm đến chưa được khám phá.
- Có tiềm năng phát triển nhiều loại hình sản phẩm du lịch.
- Chính trị ổn định, an toàn.
- Tăng trưởng khách du lịch quốc tế tăng nhanh trong khu vực và ở Việt Nam.
- Môi trường kinh doanh cạnh tranh, cho phép sử dụng hiệu quả các nguồn lực để cung cấp sản phẩm có chất lượng.
- Sự có mặt của các công ty đa quốc gia ở Việt Nam sẽ khuyến khích các doanh nghiệp đến đầu tư và xây dựng hình ảnh du lịch Việt Nam, một điểm đến thân thiện cho cả các nhà đầu tư và khách du lịch.
- Chi phí du lịch thấp; lao động có kỹ năng tương đối tốt, giá nhân công thấp.

Điểm yếu

- Thiếu đường bay thẳng làm chi phí máy bay cao hơn so với các nước trong khu vực; thiếu sự cạnh tranh đối với hàng không trong nước khiến chất lượng dịch vụ kém.
- Có quá nhiều khách sạn chất lượng thấp trong khi thiếu hụt nghiêm trọng khách sạn chất lượng cao làm cho giá cả khách sạn phục vụ khách du lịch quốc tế cao hơn các nước trong khu vực (như Thái Lan, Malaysia).
- Thiếu lao động kỹ năng cao, chuyên nghiệp. Cơ sở hạ tầng nói chung và cơ sở hạ tầng du lịch yếu kém.
- Chưa khai thác hết được chuỗi cung cấp du lịch và thiếu sự hợp tác giữa các doanh nghiệp du lịch để tránh rò rỉ thu nhập.
- Thiếu kỹ năng quản lý và truy cập tới các nguồn vốn và công nghệ với sự yếu kém của các ngành công nghiệp phụ trợ làm cho hoạt động kinh doanh du lịch kém hiệu quả hơn các nước khác trong khu vực.

- Sự hỗ trợ còn hạn chế của Chính phủ trong việc phát triển chương trình du lịch quốc gia một cách chuyên nghiệp.

- Thiếu số liệu thống kê cần thiết để các nhà hoạch định chính sách có thể ra quyết định đúng đắn.

Cơ hội

- Xu hướng tăng trưởng du lịch khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới có khả năng ổn định trong những năm tới.

- Giảm giá hàng không do sự xuất hiện của các hãng giá rẻ. Khách du lịch Trung Quốc đi các nước tăng nhanh.

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và một số quốc gia có hiệu lực thúc đẩy đầu tư và thương mại.

- Việt Nam là thành viên của các tổ chức quốc tế.

- Cơ hội hợp tác với các nước trong vùng để xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch thống nhất hấp dẫn khách du lịch quốc tế.

Thách thức

- Cạnh tranh căng thẳng giữa các nước trong khu vực có cùng điều kiện kinh tế, tự nhiên, văn hóa, xã hội (trong đó Thái Lan là một đối thủ cạnh tranh khó có thể vượt qua).

- Du lịch trong nước phát triển tràn lan gây khó khăn cho công tác quản lý để đảm bảo chất lượng du lịch, duy trì sự hấp dẫn của điểm du lịch.

- Du lịch phát triển nhanh chóng đe dọa hệ sinh thái đa dạng có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch bền vững.

- Ngành du lịch nhạy cảm với các cú sốc. Bất ổn định chính trị toàn cầu, bệnh dịch và thiên tai có thể không khuyến khích khách du lịch đi du lịch. Bệnh dịch (như SARS và bệnh cúm gà) có thể bùng phát thành đại dịch.

- Giá nhiên liệu cao có thể ảnh hưởng tới vận tải hàng không, đường bộ và dịch vụ du lịch.

Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ngành du lịch

Để các doanh nghiệp du lịch Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, hoạt động kinh doanh hiệu quả, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế của đất nước, cần nhiều cơ chế, chính sách và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp:

- Tăng cường tuyên truyền làm chuyển biến và nâng cao hơn nữa nhận thức trong toàn xã hội về tầm quan trọng, sự cần thiết của sự nghiệp phát triển du lịch và trách nhiệm đối với việc đổi mới và phát triển du lịch thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tiếp tục sử dụng vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư cho hạ tầng du lịch một cách đồng bộ, không chỉ tập trung vào các khu du lịch quốc gia và các tuyến, điểm du lịch có khả năng thu hút khách du lịch; việc đầu tư của các ngành khác như giao thông vận tải, hàng không, văn hoá... cần có sự phối hợp chặt chẽ với việc khai thác du lịch.

- Nghiên cứu có chính sách về tài chính cụ thể (chính sách thuế và các chính sách tài chính khác) riêng cho ngành du lịch như là một ngành thu ngoại tệ.

- Xây dựng chính sách mở cửa hơn nữa cho nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư và khai thác một số khu du lịch.

- Đầu tư cho sản xuất đa dạng các sản phẩm du lịch, có giá thành hạ, khả năng cạnh tranh cao.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường du lịch, tạo ra và giữ gìn môi trường du lịch (cả tự nhiên và xã hội) lành mạnh trong cả nước, đảm bảo phát triển du lịch bền vững, chú trọng duy trì danh hiệu “Việt Nam - Điểm đến an toàn, thân thiện và hấp dẫn” nhất khu vực mà quốc tế đã bình chọn. Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến bảo vệ được môi trường; huy động sự tham gia và sự đóng góp của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, hiệp hội, khách du lịch, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên xã hội.

- rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đầu tư, chính sách tài chính, chính sách xuất nhập cảnh, hải quan, chính sách xã hội hóa hoạt động du lịch (hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã bỏ visa đơn phương để thu hút khách du lịch).

- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế về du lịch, củng cố và mở rộng hợp tác song phương và đa phương với các tổ chức quốc tế, các nước có khả năng và kinh nghiệm phát triển du lịch. Thực hiện đầy đủ các cam kết và khai thác tối đa quyền lợi trong hợp tác du lịch với các nước, các tổ chức quốc tế, diễn đàn du lịch khu vực, thế giới và các chương trình hợp tác tiểu vùng.

- Ngân sách nhà nước tiếp tục hỗ trợ tài chính cho các hoạt động xúc tiến du lịch Việt Nam ở nước ngoài (như hội chợ, triển lãm, các hình thức quảng bá khác như “Tuần lễ Việt Nam”...) và hoạt động của các cơ quan đại diện du lịch Việt Nam ở nước ngoài.

Th.S NGUYỄN HOÀNG HẢI - Vụ trưởng Vụ Kinh tế dịch vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư